

**DANH SÁCH**

**Hộ dân đủ điều kiện thụ hưởng chính sách hỗ trợ Cầu giống  
năm 2026 trên địa bàn xã Minh Long**

(Kèm theo Thông báo số 140/TB-UBND ngày 21/8/2026 của UBND xã Minh Long)

| Stt | Họ tên người<br>đại diện hộ<br>gia đình tham<br>gia dự án | Địa chỉ<br>(thôn) | Hộ gia đình thuộc diện      | Nội dung<br>hỗ trợ | Diện<br>tích<br>(m <sup>2</sup> ) |
|-----|-----------------------------------------------------------|-------------------|-----------------------------|--------------------|-----------------------------------|
| 01  | Đình Văn Thanh                                            | Làng Ren          | Hộ mới thoát nghèo năm 2025 | Cầu giống          | 2.000                             |
| 02  | Đình Văn Cường                                            | Làng Ren          | Hộ mới thoát nghèo năm 2025 | Cầu giống          | 2.200                             |
| 03  | Đình Văn Út                                               | Làng Ren          | Hộ mới thoát nghèo năm 2025 | Cầu giống          | 4.000                             |
| 04  | Đình Thị Đú                                               | Cà Xen            | Hộ nghèo năm 2025           | Cầu giống          | 4.000                             |
| 05  | Đình Văn Gách                                             | Cà Xen            | Hộ nghèo năm 2025           | Cầu giống          | 4.000                             |
| 06  | Đình Văn Don                                              | Cà Xen            | Hộ mới thoát nghèo năm 2023 | Cầu giống          | 4.000                             |
| 07  | Đình Văn Khuyết                                           | Cà Xen            | Hộ mới thoát nghèo năm 2023 | Cầu giống          | 8.000                             |
| 08  | Đình Văn Hồ                                               | Cà Xen            | Hộ mới thoát nghèo năm 2024 | Cầu giống          | 2.800                             |
| 09  | Đình Văn Hoắt                                             | Cà Xen            | Hộ mới thoát nghèo năm 2024 | Cầu giống          | 4.800                             |
| 10  | Đình Văn Lin                                              | Cà Xen            | Hộ mới thoát nghèo năm 2024 | Cầu giống          | 4.000                             |
| 11  | Đình Văn Loan                                             | Cà Xen            | Hộ mới thoát nghèo năm 2024 | Cầu giống          | 4.800                             |
| 12  | Đình Thị Bíp                                              | Long Môn          | Hộ nghèo năm 2025           | Cầu giống          | 2.500                             |
| 13  | Đình Thị Tiểu                                             | Thanh An          | Hộ nghèo năm 2025           | Cầu giống          | 4.000                             |
| 14  | Đình Thị Đuối                                             | Thanh An          | Hộ nghèo năm 2025           | Cầu giống          | 3.500                             |
| 15  | Đình Thị Oi                                               | Thanh An          | Hộ nghèo năm 2025           | Cầu giống          | 3.000                             |
| 16  | Đình Thị Lít                                              | Thanh An          | Hộ cận nghèo năm 2025       | Cầu giống          | 4.000                             |
| 17  | Đình Kéo                                                  | Thanh An          | Hộ mới thoát nghèo năm 2023 | Cầu giống          | 3.600                             |
| 18  | Đình Văn Tương                                            | Thanh An          | Hộ mới thoát nghèo năm 2024 | Cầu giống          | 3.600                             |
| 19  | Đình Thị Tầm                                              | Thanh An          | Hộ mới thoát nghèo năm 2025 | Cầu giống          | 3.600                             |
| 20  | Đình Lít                                                  | Long Thanh        | Hộ nghèo năm 2025           | Cầu giống          | 1.500                             |
| 21  | Đình Thị Thanh                                            | Long Thanh        | Hộ nghèo năm 2025           | Cầu giống          | 1.000                             |
| 22  | Đình Văn Enh                                              | Long Thanh        | Hộ nghèo năm 2025           | Cầu giống          | 1.000                             |
| 23  | Đình Thị Rúp                                              | Long Thanh        | Hộ nghèo năm 2025           | Cầu giống          | 1.200                             |
| 24  | Đình Thị Nghĩa                                            | Long Thanh        | Hộ nghèo năm 2025           | Cầu giống          | 1.500                             |
| 25  | Đình Thị Tho                                              | Long Thanh        | Hộ nghèo năm 2025           | Cầu giống          | 2.000                             |
| 26  | Đình Văn Triệu                                            | Long Thanh        | Hộ mới thoát nghèo năm 2025 | Cầu giống          | 2.000                             |
| 27  | Đình Công Vô                                              | Long Thanh        | Hộ mới thoát nghèo năm 2026 | Cầu giống          | 1.700                             |
| 28  | Đình Thị Tiên                                             | Long Thanh        | Hộ nghèo năm 2025           | Cầu giống          | 4.000                             |
| 29  | Đình Văn Tăng                                             | Long Thanh        | Hộ nghèo năm 2025           | Cầu giống          | 4.000                             |
| 30  | Đình Thị Phìn                                             | Long Thanh        | Hộ nghèo năm 2025           | Cầu giống          | 2.500                             |
| 31  | Đình Văn Súc                                              | Long Thanh        | Hộ mới thoát nghèo năm 2025 | Cầu giống          | 3.000                             |

| Stt               | Họ tên người đại diện hộ gia đình tham gia dự án | Địa chỉ (thôn) | Hộ gia đình thuộc diện  | Nội dung hỗ trợ | Diện tích (m <sup>2</sup> ) |
|-------------------|--------------------------------------------------|----------------|-------------------------|-----------------|-----------------------------|
| 32                | Đinh Thị Găm                                     | Hà Bôi         | Hộ nghèo năm 2025       | Cau giống       | 1.200                       |
| 33                | Đinh Xâm                                         | Hà Bôi         | Hộ nghèo năm 2025       | Cau giống       | 1.800                       |
| 34                | Đinh Thị My                                      | Hà Bôi         | Hộ nghèo năm 2025       | Cau giống       | 1.000                       |
| 35                | Đinh Thị Dúp                                     | Hà Bôi         | Hộ nghèo năm 2025       | Cau giống       | 1.200                       |
| 36                | Đinh Thị Trúc                                    | Hà Bôi         | Hộ nghèo năm 2026       | Cau giống       | 1.200                       |
| 37                | Đinh Thị Xêm                                     | Hà Bôi         | Hộ nghèo năm 2025       | Cau giống       | 1.300                       |
| 38                | Đinh Nghiêu                                      | Hà Bôi         | Hộ nghèo năm 2025       | Cau giống       | 1.500                       |
| 39                | Nguyễn Thị Nhân                                  | Long Hiệp      | Hộ nghèo năm 2025       | Cau giống       | 2.500                       |
| 40                | Nguyễn Thị Thu                                   | Long Hiệp      | Hộ nghèo năm 2025       | Cau giống       | 4.000                       |
| 41                | Phan Thị Chỉ                                     | Long Hiệp      | Hộ nghèo năm 2025       | Cau giống       | 2.500                       |
| 42                | Nguyễn Thị Ngọc                                  | Long Hiệp      | Hộ nghèo năm 2025       | Cau giống       | 2.500                       |
| 43                | Lê Thị Nhị                                       | Long Hiệp      | Hộ nghèo năm 2025       | Cau giống       | 3.500                       |
| 44                | Cao Thanh Long                                   | Long Hiệp      | Hộ nghèo năm 2025       | Cau giống       | 2.000                       |
| 45                | Trần Quốc Toàn                                   | Long Hiệp      | Hộ cận nghèo năm 2025   | Cau giống       | 2.500                       |
| 46                | Trần Thị Điệp                                    | Long Hiệp      | Hộ cận nghèo năm 2025   | Cau giống       | 3.500                       |
| 47                | Lê Thị Cảnh                                      | Long Hiệp      | Hộ cận nghèo năm 2025   | Cau giống       | 2.500                       |
| 48                | Trần Minh Xuân                                   | Long Hiệp      | Hộ cận nghèo năm 2025   | Cau giống       | 4.000                       |
| 49                | Huỳnh Thị Liên                                   | Long Hiệp      | Hộ cận nghèo năm 2025   | Cau giống       | 2.500                       |
| 50                | Lê Thị Tư                                        | Long Hiệp      | Hộ cận nghèo năm 2025   | Cau giống       | 2.500                       |
| 51                | Nguyễn Phúc                                      | Long Hiệp      | Hộ cận nghèo năm 2025   | Cau giống       | 4.500                       |
| 52                | Nguyễn Thị Ba                                    | Long Hiệp      | Hộ thoát nghèo năm 2024 | Cau giống       | 3.000                       |
| 53                | Võ Văn Lực                                       | Long Hiệp      | Hộ thoát nghèo năm 2024 | Cau giống       | 4.000                       |
| 54                | Đinh Thị Tháo                                    | Long Xuyên     | Hộ nghèo năm 2025       | Cau giống       | 1.200                       |
| 55                | Đinh Thị Thiết                                   | Long Xuyên     | Hộ nghèo năm 2025       | Cau giống       | 2.000                       |
| 56                | Đinh Thép                                        | Long Xuyên     | Hộ nghèo năm 2025       | Cau giống       | 1.800                       |
| 57                | Đinh Thị Tít                                     | Long Xuyên     | Hộ cận nghèo năm 2025   | Cau giống       | 1.000                       |
| 58                | Đinh Thị Bốc                                     | Long Xuyên     | Hộ nghèo năm 2025       | Cau giống       | 1.000                       |
| 59                | Đinh Thị Xanh                                    | Long Xuyên     | Hộ nghèo năm 2025       | Cau giống       | 1.000                       |
| 60                | Đinh Thị Đôn                                     | Long Xuyên     | Hộ nghèo năm 2025       | Cau giống       | 1.800                       |
| <b>Tổng cộng:</b> |                                                  |                |                         |                 | <b>16,280</b>               |